

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2023/DS-PT

Ngày: 05/6/2023

V/v Tranh chấp quyền lợi đi.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Châu;

Các Thẩm phán: Ông Trương Văn Tâm;

Bà Nguyễn Thị Quang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Quyên - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 29/5/2023 và ngày 05/6/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc: “Tranh chấp lỗi đi”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 85/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Mai Tấn L, sinh năm 1967 và bà Phạm Thị T, sinh năm 1968; cùng địa chỉ: Tổ 22, ấp Phước T, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Ông L vắng mặt, bà T có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông L: Bà Nguyễn Thị Kim T, sinh năm 1982; địa chỉ: Phường 2, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông L: Ông Lê Biên P – Luật sư Văn phòng luật sư G, đoàn luật sư tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Tiến T, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ 17, ấp Phước T, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

2.2. Ông Dương Văn T1, sinh năm 1956; địa chỉ: Tổ 6, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Địa chỉ: Trung tâm hành chính huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Huỳnh Sơn T – Chủ tịch UBND huyện Đ. (Vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đ: Ông Lê Minh T – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Đ. (Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt)

3.2. Bà Trần Ngọc A, sinh năm 1960; địa chỉ: Tổ 6, khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Dương Tiến T2, sinh năm 1994. Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (có mặt)

3.3. Bà Ngô Thị Kim T, sinh năm 1983; địa chỉ: khu phố P, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

4. Những người làm chứng:

4.1 Ông Trần Văn P, sinh năm 1948; địa chỉ: ấp Phước T, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Có mặt)

4.2 Ông Trần Văn T, sinh năm 1950; địa chỉ: 182 ấp Phước T, xã Phước Long T, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. (Vắng mặt)

5. Người kháng cáo: Ông Dương Văn T1, ông Dương Tiến T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T trình bày:

Từ thời ông Nội của ông L đến nay, gia đình ông L sử dụng lối đi chung để ra Quốc lộ 55 kéo dài men theo chân taly mương nước (do địa phương quản lý). Mương nước này tiếp giáp với các thửa đất 1108, 1096, 1086, 1055, 1053, cùng Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T, huyện Đ (hiện đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Dương Văn T1 (cha ông T) và ông T. Tuy nhiên, từ năm 2017, gia đình ông Dương Tiến T xây công, ngăn chặn không cho gia đình ông L đi lại. Ông L yêu cầu giải quyết lối đi rộng 3m hoặc 4m chiều ngang; trong đó lối đi chân taly mương nước thửa 1055 diện tích 35m², chân taly thửa 1053 diện tích 25m², chân taly thửa 1086 diện tích 100m², thửa 1108 diện tích 160m² đến thửa đất giáp QL55 do Nhà nước quản lý diện tích 200m²; Yêu cầu ông T tháo dỡ công và công nhận lối đi cho gia đình ông L sử dụng.

Ông L, bà T đồng ý với Mạnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập. Ông L rút phần yêu cầu tranh chấp với ông T1, ông T lối đi qua các thửa 879TL, 1096, 1086, 1053 (Tờ bản đồ 38) tại xã Phước Long T vì phần lối đi này là bờ mương nước do Nhà nước

quản lý và hiện chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào. Ông L chỉ còn yêu cầu là buộc ông T, ông T1 chấm dứt hành vi cản trở quyền sử dụng lối đi đối với diện tích 403m², thửa 380GT (Tờ bản đồ 45) theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ đã được Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định là đất giao thông do UBND xã Phước Long T quản lý.

2. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn ông Dương Tiến T trình bày:

Ông Dương Tiến T đồng ý với Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập và Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ; Biên bản định giá tài sản.

Ông T được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số CC612899 ngày 15/01/2016 đối thửa đất 1018, diện tích là 647m² nhưng theo sơ đồ thì phần đường đi chiếm 279m². Thửa 1055, diện tích 340m² nhưng theo sơ đồ thì đường đi chiếm 79,8m². Tổng diện tích mà lối đi chiếm diện tích hai thửa đất này là 359,2m². Nguồn gốc hai thửa đất này là của ông T1 (cha ruột của ông T) tặng cho ông T.

Trước đây, nhà ông L sử dụng con đường đi ngang đất của ông T để ra Quốc lộ 55. Lúc đầu là con đường mòn đi bộ sau đó mở rộng như hiện nay. Tại buổi hòa giải do UBND xã Phước Long T tiến hành vào ngày 14/6/2017, ông T đồng ý bán cho ông L một đoạn đường đi giáp quốc lộ 55 tới sau nhà ông T rộng 1,5 mét, còn lại là rộng 2 mét với số tiền 30.000.000đ nhưng ông L không đồng ý nên nay ông T không bán cho ông L. Nay, ông T cần sử dụng đất của mình vì đất này ông T đã được cấp sổ đỏ hợp pháp nên ông T không cho ông L sử dụng để làm lối đi. Hiện tại, ông L vẫn còn con đường đi khác bên cạnh Huyện đội huyện Đ; tuy lối đi này không tiện lợi như con đường đang tranh chấp nhưng đất lối đi này đều thuộc quyền sử dụng của người nhà ông L nên ông L thỏa thuận mở đường sẽ thuận tiện hơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông T không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn vì diện tích 403m², thửa 380GT (Tờ bản đồ 45) là thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T nhưng UBND huyện Đ cấp sổ đỏ cho gia đình ông T bị sót. Từ trước đến nay ông T chưa khiếu kiện việc UBND huyện Đ cấp sổ đỏ cho ông T bị sót diện tích nhưng ông T chưa yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động diện tích đất này vì ông T chờ giải quyết xong tranh chấp với ông L. Khi nào cần thiết thì ông T sẽ yêu cầu cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh biến động diện tích đất này trong sổ đỏ đã cấp cho ông T. Đối với con đường đi đang tranh chấp, thực tế gia đình ông T không cản trở việc đi lại của gia đình ông L nhưng do sợ mất mát tài sản nên ông T phải xây công sắt, lưới B40 (hàng rào trụ bê tông cao 2,5m, dài 4,5m) để bảo vệ tài sản bên trong, ông L vẫn có chìa khóa để mở cổng qua lại.

3. Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm bị đơn ông Dương Văn T1 trình bày:

Con đường đang tranh chấp phải đi qua các thửa đất gồm: Thửa 380GT (Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T); các thửa 879TL, 1096, 1086, 1108, 1055, 1053 (Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T). Tất cả các thửa đất này đều do gia đình ông T1 khai phá trước đây và ông T1 đã đăng ký sổ mục kê năm 2003. Năm 2007, ông T1 tặng cho ông T nhiều thửa đất, trong đó có thửa 1108, 1055 hiện ông T đã được cấp sổ đỏ. Các thửa còn lại chưa cấp sổ đỏ cho ai nhưng gia đình ông T1 vẫn sử dụng từ xưa đến nay. Việc các thửa đất của gia đình ông T1 chưa được cơ quan có thẩm quyền xét cấp sổ đỏ thì ông T1 sẽ có ý kiến sau.

Về con đường trên đất, thực tế từ lâu gia đình ông L đã sử dụng nhưng nay gia đình ông L đã có con đường đi khác nên ông T1 không đồng ý để ông L đi trên đất của gia đình ông T1 nữa.

4. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

4.1. Ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện Đ:

Tại Công văn số 3078/UBND-PTNMT ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đ (BL 162):

Theo Biên bản xác minh hiện trạng sử dụng đất do đo đạc bản đồ địa chính xã Phước Long T lập ngày 21/4/2011 thì thửa đất 28, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T trước đây là thửa 154, Tờ bản đồ 31 xã Phước Long T theo bản đồ do Trung tâm đo đạc – Sở địa chính lập ngày 01/7/2003 có diện tích là 4.594m². UBND huyện Đ đã cấp sổ đỏ số Đ 040478 ngày 31/12/2003 cho ông T1 với diện tích 4.594m² thuộc thửa 154, Tờ bản đồ 31 xã Phước Long T. Theo Bản đối chiếu, xác minh đo đạc bản đồ địa chính của xã Phước Long T ngày 21/4/2011 thì thửa 28, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T có diện tích 6.105m² là lớn hơn diện tích thửa 154, Tờ bản đồ 31 xã Phước Long T (cũ) 1.511m². Thửa 28, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T có diện tích 6.105m² không có diện tích 403m², thuộc thửa 380 thể hiện tại Sơ đồ vị trí thửa đất trích đo phục vụ giải quyết tranh chấp được Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập ngày 02/10/2018. Diện tích lối đi đang tranh chấp có diện tích 403m² thuộc thửa 380, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, phần lối đi này nối liền với đường Quốc lộ 55. Ngày 12/7/2011, UBND huyện Đ cấp đổi sổ đỏ cho ông T1 số BE 116495 đối với diện tích 6.105m², thửa 28, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T là tăng so với sổ đỏ củ số Đ 040478 ngày 31/12/2003 cấp cho ông Thử đổi với thửa 154, Tờ bản đồ 31 xã Phước Long T là 1.511m² nhưng không có phần diện tích đất 403m² là lối đi đang tranh chấp. Diện tích 403m², Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, không thể hiện số thửa, phần diện tích đất này nối liền với đường Quốc lộ 55 và hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào nên phần đất này do UBND xã Phước Long T quản lý. Vì vậy, nếu ông T1 làm thủ tục đăng ký biến động xin cấp Giấy chứng nhận đối với phần đất có diện tích 403m², Tờ bản đồ số 45 xã Phước Long T thì UBND huyện Đ không xem xét giải quyết (do ông Dương Văn T1 đã thống nhất với kết quả đối chiếu thửa đất của xã Phước Long T và ký tên vào biên bản ngày 21/4/2011 của UBND xã Phước Long T).

Thửa 879 (loại đất thủy lợi), Tờ bản đồ 38 hiện do UBND xã Phước Long T quản lý.

Các thửa đất tranh chấp 1096, 1086, 1053, cùng tờ bản đồ 38 xã Phước Long T hiện chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân nào, khi chủ sử dụng đất đăng ký cấp Giấy theo đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 70 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì sẽ được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về đất đai.

4.2. Ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Phước Long T, huyện Đ:

Tại Công văn 449/UBND-ĐC ngày 15/7/2019 của UBND xã Phước Long T (BL 37) có ý kiến như sau:

Con đường đang tranh chấp thuộc các thửa 1108, 1086, 1053, 1055 và phần diện tích khoảng 403m² (trên bản đồ địa chính không thể hiện số thửa) thuộc Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T.

Theo bản đồ địa chính năm 1995, ông Dương Văn T1 (cha ông Dương Tiến T) được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 31/12/2003 đối với thửa đất 154, Tờ bản đồ số 31 (cũ) nhưng khi cấp đổi theo bản đồ đo đạc mới năm 2005 thì được tách thành 2 thửa gồm thửa 28 và thửa đất có diện tích 403m² không thể hiện số thửa là con đường đi mà các bên đang tranh chấp.

Ngày 13/6/2017, UBND xã Phước Long T làm việc với ông T1 về việc liên quan đến con đường. Qua làm việc, ông T1 cho biết phần diện tích 403m² là do gia đình ông T1 trực tiếp canh tác, sử dụng và đã được cấp sổ đỏ cho ông T1 vào năm 2003. Trong quá trình cấp đổi năm 2011 thì cấp sót diện tích 403m² là con đường đi.

Nguồn gốc thì con đường mà các bên tranh chấp hình thành khoảng năm 1980, từ gia đình ông L đi ra đường giáp Quốc lộ 55, lúc đó lối đi này nhỏ chỉ có xe máy đi được. Phần đất tiếp giáp lối đi là do gia đình ông T1 sử dụng. Khoảng năm 2008-2009, ông T1 cho con là ông Dương Tiến T xây nhà ở, lúc đó gia đình ông L vẫn đi trên lối đi này. Lối đi này trước khi ông T chưa xây nhà ở thì ông T1 có cho xe bò, sau này là xe máy cày của một số hộ dân chạy vào ruộng để canh tác nên mọi người làm ruộng có đi nhờ đất ông T và ông T1. Bên sau lưng nhà ông T có phần ruộng ông T và ông T1 đang canh tác nên bà con tận dụng bờ ruộng để đi lại dần thành thói quen.

Hiện tại chỉ có hộ ông L đang đi trên đường tranh chấp và không còn hộ khác đi trên con đường này. Hiện theo bản đồ địa chính và theo thực tế thì ông L không còn con đường nào khác.

Theo Biên bản xác minh ngày 28/7/2022 và 11/8/2022 thì từ đường Quốc lộ 55 vào nhà ông L có lối đi dài khoảng 450m; trong đó đoạn từ Quốc lộ 55 đi vào phía sau doanh trại Quân đội nhân dân Việt Nam huyện Đ trải đá mini khoảng 100m, đến đoạn 200 mét là đường đất rồi đến đoạn dài 150 mét đi vào nhà ông L là hành lang

an toàn bảo vệ kênh mương (chiều rộng mỗi bên 2m); không hiển thị trên Bản đồ địa chính do UBND xã Phước Long T quản lý.

4.3. Bà Trần Ngọc A là vợ ông Dương Văn T1; bà Ngô Thị Kim T là vợ ông Dương Tiến T trình bày: Bà A, bà T đều đồng ý với ý kiến ông T1, ông T và đều xin vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

5. Những người làm chứng:

5.1. Ông Trần Văn P trình bày: Con đường đang tranh chấp đã hình thành khoảng từ năm 1967, khi đó chỉ là đường bờ ruộng để những người làm ruộng ở phía trong đi bộ ra đường quốc lộ chứ không mở rộng như hiện nay.

5.2. Ông Trần Văn T trình bày: Con đường đất hiện nay gia đình ông L đi đã có từ lâu, trước đây những hộ dân trong đó có gia đình ông T đi nhờ để vào ruộng phía trong. Tuy nhiên, sau này chỉ còn mỗi gia đình ông L đi trên con đường đó.

6. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ quyết định:

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc xác định vị trí lối đi tranh chấp thuộc các thửa 1108, 1096, 1086, 1055, 1053, Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T, huyện Đ theo Mạnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. (kèm theo Bản án).

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T về yêu cầu sử dụng lối đi chung:

Công nhận hiện trạng lối đi có diện tích 403m² thuộc một phần thửa 380, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, nối liền với đường Quốc lộ 55 (theo Mạnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ) là lối đi chung cho hộ ông Mai Tấn L và hộ ông Dương Văn T1, Dương Tiến T.

Buộc ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T sử dụng lối đi chung. Buộc ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T phải tháo dỡ, di dời tất cả tài sản, hàng rào trên phần diện tích đất được xác định làm lối đi chung.

Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Mai Tấn L và bà Phạm Thị T tự nguyện nộp 7.355.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo.

7. Ngày 24/5/2022, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo của ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T đề ngày 11/10/2022 với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T vì ông T1, ông T không chấp nhận cho gia đình ông L, bà T đi trên đất của ông T1, ông T.

8. Ý kiến của Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa:

Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Dương Tiến T và ông Dương Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T nộp trong thời hạn luật định, phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí còn ông T1 có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí do ông T1 đã trên 60 tuổi và đã được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Vì vậy đơn kháng cáo của ông T và ông T1 hợp lệ.

[2]. Ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T khởi kiện ông Dương Văn T1, ông Dương Tiến T để yêu cầu ông T1, ông T mở lại lối đi cho gia đình ông L, bà T. Quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án này được xác định là “Tranh chấp lối đi”. Việc tranh chấp đã được hòa giải cơ sở. Đất có lối đi tranh chấp tọa lạc tại huyện Đ, bị đơn cư trú tại huyện Đ. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý vụ án để giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, c khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai.

[3]. Ông Mai Tấn L vắng mặt nhưng ông L đã ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim T và bà T có mặt. Người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Đ vắng mặt; người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho UBND huyện Đ vắng mặt; ông Trần Văn T vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ và đã có lời khai. Vì vậy, phiên tòa xét xử vắng mặt ông L, người đại diện theo pháp luật của UBND huyện Đ, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND huyện Đ, ông T là phù hợp với các quy định tại các Điều 227, 228, 229 và 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung:

[4]. Nhà của gia đình ông L được xây dựng tại thửa đất số 923, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, huyện Đ. Từ trước năm 1980, gia đình ông L sử dụng lối đi ra đường Quốc Lộ 55 qua một phần các thửa đất 1108, 1096, 1086, 1053, 1055, 879TL, Tờ bản đồ 38 và thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, huyện Đ (Theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ). Vào những năm trước đây thì ngoài gia đình ông L thì còn có một số hộ dân sử dụng lối đi này để đi làm ruộng và vận chuyển nông sản từ ruộng ra

đường Quốc lộ 55. Lối đi này có chiều rộng khoảng 2m. Từ năm 1987 đến nay thì lối đi này chủ yếu do gia đình ông L sử dụng. Đầu năm 2017, ông T xây công và cứ khoảng 6 giờ chiều là ông T khóa cửa nên gia đình ông L không đi lại được. Năm 2017, ông L, bà T khiếu nại ông T, ông T1 đến UBND xã Phước Long T, huyện Đ đề yêu cầu ông T, ông T1 trả lại lối đi. Tại UBND xã Phước Long T, ông T yêu cầu ông L thanh toán giá trị sử dụng con đường là 30.000.000 đồng nhưng ông L không đồng ý nên mới phát sinh tranh chấp. Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cấp sơ thẩm thì ông L, bà T yêu cầu xác định vị trí con đường đi từ đất ông L, bà T ra đường Quốc lộ 55 thể hiện đúng theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. Chiều ngang con đường 3m; trong đó diện tích thửa đất 1108 là 279,4m²; thửa 1055 có diện tích 79,8m²; thửa 1053, diện tích 29,1m²; thửa 1086, diện tích 146,7m²; thửa 1096, diện tích 3m²; thửa 879, diện tích 24m² + 15,4m² = 39,4m². Trong đó diện thửa 1108 và thửa 1055 có tổng diện tích là 359,2m² (Đất đã được UBND huyện Đ cấp Giấy chứng nhận cho ông T số CC612899 ngày 15/01/2016 cho ông Dương Tiến T).

Tại phiên tòa sơ thẩm, phía ông L, bà T không tranh chấp với ông T, ông T1 lối đi tiếp giáp các thửa đất 1108, 1096 (đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CC 612899 ngày 15/01/2016 cho ông T) và lối đi tiếp giáp qua các thửa 1086, 1053, 1055, 879, cùng Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T (Các thửa đất này hiện chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho tổ chức, cá nhân nào). Hiện nay ông L đang sử dụng lối đi rộng khoảng 1m là chân taly men theo Mương nước do Nhà nước đang quản lý nên không ảnh hưởng gì đến đất ông T, ông T1. Còn diện tích 403m², thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T (Theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ). Phần diện tích đất này, Ủy ban nhân dân huyện Đ xác định là đất giao thông, do UBND xã Phước Long T quản lý nên ông T, ông T1 phải chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T sử dụng lối đi chung. Buộc ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T phải tháo dỡ, di dời tất cả các vật kiến trúc, hàng rào trên phần diện tích đất được xác định làm lối đi chung.

Như vậy, ông L, bà T chỉ yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm xác định lối đi chung có diện tích 403m² thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ và buộc ông T tháo dỡ vật kiến trúc làm cản trở lối đi này và buộc ông T, ông T1 phải chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông L, bà T sử dụng lối đi này.

Việc ông L, bà T rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc xác định lối đi qua các thửa 1108, 1096, 1086, 1055, 1053, 879, Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T, huyện Đ theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ là tự nguyện, không trái pháp luật nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện này của ông L, bà T là phù hợp với Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét yêu cầu của nguyên đơn xác định diện tích 403m² thửa 380GT, Tờ bản đồ 45, xã Phước Long T theo Mệnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ là lối đi chung và buộc bị đơn chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật nguyên đơn sử dụng lối đi này thì thấy: Diện tích lối đi này hình thành từ năm 1980 cho đến năm 2017 (thời điểm ông T làm công, hàng rào thì xảy ra tranh chấp) là 37 năm.

Tại khoản 1 Điều 175 của Bộ luật dân sự quy định: Ranh giới giữa các bất động sản liền kề được xác định theo thỏa thuận hoặc theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Ranh giới cũng có thể xác định theo tập quán hoặc theo ranh giới đã tồn tại trên 30 năm mà không có tranh chấp...

Ranh giới giữa lối đi có diện tích 403m² thửa 380GT, Tờ bản đồ 45, xã Phước Long T với thửa đất 28, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T diện tích 6.105m² mà UBND huyện Đ đã cấp đổi sổ đỏ cho ông T1 số BE 116495 ngày 12/7/2011 có ranh giới trên 30 năm không tranh chấp nên UBND huyện Đ xác định diện tích đất lối đi này là đất giao thông và không cấp sổ đỏ cho ông T là có căn cứ. Vì vậy, việc ông T cho rằng diện tích đất này thuộc quyền sử dụng của ông T nhưng UBND huyện Đ cấp sổ đỏ cho ông T bị sót là không có căn cứ.

Đối với lối đi từ nhà ông L ra đường Quốc lộ 55: Phần lối đi từ nhà ông L đến đường Quốc lộ 55 có chiều dài 450m trong đó từ phía sau Huyện đội đến nhà ông L là 350m nhưng chỉ đi được đường đất 150m, còn lại là bờ ruộng trồng lúa cao khoảng 0,5m. Khi nào thu hoạch hết lúa và vào mùa khô thì gia đình ông L mới đi được nên đây chỉ là lối đi tạm thời để vận chuyển nông sản, không phải là lối đi công cộng. Lối đi này phải đi qua ruộng của nhiều hộ nên không thuận tiện cho việc đi lại của gia đình ông L. Như vậy, việc xem xét thẩm định của Tòa án cấp sơ thẩm phù hợp với xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Phước Long T là gia đình ông L đi ra đường Quốc lộ 55 chỉ có lối đi đang tranh chấp chứ không có lối đi nào khác thuận tiện, hợp lý.

Hiện tại, ông T đã rào lối đi tại thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T làm cho gia đình ông L khó khăn trong việc đi lại, ảnh hưởng đến việc sinh hoạt hàng ngày của gia đình ông L. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông L, bà T. Xác định lối đi có diện tích 403m², thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T là lối đi chung của gia đình ông L, gia đình ông T, gia đình ông T1. Buộc ông T phải tháo dỡ hàng rào lưới B40 dài 4,5m, cổng sắt cao 2,5m, dài 4,5m tại vị trí tọa độ 28 và 29 Mệnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để trả lại lối đi chung. Buộc ông T, ông thể chấm dứt hành vi cản trở gia đình ông L, bà T sử dụng lối đi chung là có căn cứ.

[5]. Từ những phân tích trên và theo đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Dương

Tiến T và ông Dương Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

[6]. Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.355.000đ thì ông L, bà T tự nguyện chịu và được trừ vào số tiền tạm ứng mà ông L, bà T đã nộp đủ.

[7] Về án phí:

[7.1]. Án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Tuy nhiên, ông T1 đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên Tòa án cấp sơ thẩm miễn toàn bộ án phí cho ông T1 là phù hợp các Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[7.2]. *Án phí dân sự phúc thẩm:*

Yêu cầu kháng cáo của ông T, ông T1 không được chấp nhận nên ông T, ông T1 phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Ông T1 đã trên 60 tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông T1 theo qui định các Điều 12, 14 Nghị quyết 326/2014/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 148; các Điều 26, 35, 39, 227, 228, 244, 271, 272, 273, 296 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 175 của Bộ luật dân sự; các Điều 12, 14, 26, 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông Dương Tiến T và ông Dương Văn T1. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T đối với ông Dương Tiến T, ông Dương Văn T1 về việc “Tranh chấp lối đi chung”.

2. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với việc xác định vị trí lối đi tranh chấp thuộc các thửa 1108, 1096, 1086, 1055, 1053, 879 TL Tờ bản đồ 38 xã Phước Long T, huyện Đ theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ. (kèm theo Bản án).

3. Xác định diện tích đất 403m² thuộc thửa 380GT, Tờ bản đồ 45 xã Phước Long T, huyện Đ nối liền ra với đường Quốc lộ 55 (Theo Mảnh trích đo địa chính số 319-2022 ngày 27/6/2022 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ) là lối đi chung cho hộ ông Mai Tấn L và hộ ông Dương Văn T1, Dương Tiến T.

Buộc ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật đối với gia đình ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T sử dụng lối đi chung. Buộc ông Dương Văn T1 và ông Dương Tiến T phải tháo dỡ, di dời tất cả các vật kiến trúc, hàng rào trên phần diện tích đất được xác định làm lối đi chung.

4. Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Ông Mai Tấn L và bà Phạm Thị T tự nguyện nộp 7.355.000đ (Bảy triệu ba trăm năm mươi lăm nghìn đồng) và đã nộp xong.

4. Về án phí:

4.1. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Dương Tiến T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Dương Văn T1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Mai Tấn L, bà Phạm Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông L, bà T 750.000đồng (Bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà ông L, bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, số TU/2016/0006911 ngày 31/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

4.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Dương Tiến T phải chịu 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông T đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0009967 ngày 11/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ.

- Miễn Án phí dân sự phúc thẩm cho ông Dương Văn T1.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (05/5/2023).

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKS nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- VKD nhân dân huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND huyện Đ;
- Tổ HC-TP (VP);
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên
tòa**

